TOÀ ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN ĐẮK R'LẤP** **TỈNH ĐẮK NÔNG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 15/2022/HNGĐ- ST.
Ngày: 21-7-2022.
V/v: Ly hôn.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐẮK R'LẤP TỈNH ĐẮK NÔNG

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Thị Thu Hà.

Các hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Văn Vân và ông Lê Thế Kỳ.

- *Thư ký phiên tòa:* Bà Lương Thị Xuân, là Thư ký viên Tòa án nhân dân huyện Đắk R'Lấp, tỉnh Đăk Nông.

- *Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Đắk R'Lấp, tỉnh Đăk Nông tham gia phiên tòa:* Ông Phan Minh Tuấn – Kiểm sát viên.

Ngày 21 tháng 7 năm 2022, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Đắk R'Lấp mở phiên tòa xét xử sơ thẩm vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số: 85/2022/TLST-HNGĐ ngày 26-4-2022 về việc: *"Ly hôn"* giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Ông Vũ Sỹ M, sinh năm 1961 – Có mặt.

Địa chỉ: Thôn E, xã H, huyện Đ, tỉnh Đăk Nông.

Bị đơn: Bà Nguyễn Thị M, sinh năm 1961 – Có mặt.

Địa chỉ: Thôn E, xã H, huyện Đ, tỉnh Đăk Nông.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 26-4-2022 và quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn ông Vũ Sỹ M trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Tôi với bà Nguyễn Thị M tự nguyện chung sống với nhau tại xã Hồng Quang, huyện Ân Thi, tỉnh Hưng Yên từ tháng 8 năm 1984, không đăng ký kết hôn. Năm 1986 chúng tôi về xã Hưng Bình sinh sống. Quá trình chung sống phát sinh nhiều mâu thuẫn, do bà Miến đi làm ăn ở Sài Gòn, xa cách, không còn tình cảm. Tôi đã gửi đơn đến Tòa án nhiều lần, từ năm 2019, sau đó vì một số lý do nên rút đơn nhưng cả hai đã ở riêng. Nay tôi thấy không thể tiếp tục quan hệ hôn nhân với bà Miến nữa.Vì vậy, đề nghị Tòa án giải quyết cho tôi được ly hôn với bà Nguyễn Thị M.

Về con chung và cấp dưỡng nuôi con: Chúng tôi có 03 con chung là Vũ Sỹ P,

sinh ngày 10-6-1985; Vũ Sỹ Ph, sinh ngày 01-02-1992 và Vũ Sỹ T, sinh ngày 04-02-1999. Hiện các con đã thành niên, đủ khả năng lao động nên không yêu cầu Tòa án giải quyết về chăm sóc, nuôi dưỡng con và cấp dưỡng.

Về tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Ý kiến của bị đơn bà Nguyễn Thị M:

Về quan hệ hôn nhân: Tôi sống chung với ông Vũ Sỹ M năm 1984 như trình bày của ông M. Tôi không đồng ý ly hôn với ông M do vẫn còn tình cảm. Đồng thời các con đã lớn nên ông M và tôi cần có trách nhiệm lập gia đình cho 02 con. Tôi nhiều năm đi làm xa để lo cho các con ăn học. Việc vợ chồng mâu thuẫn, cải vã, ly thân là có nhưng tôi không trình bày gì với Hội phụ nữ thôn hay xã.

Về con chung và cấp dưỡng nuôi con: 03 con chung như trình bày của ông M. Tôi đồng ý với ý kiến của ông M, không yêu cầu Tòa án giải quyết về con chung do các con đã thành niên và có khả năng lao động.

Về tài sản chung, nợ chung: Tại phiên hòa giải lần thứ nhất, bà M yêu cầu ông M phải trả cho bà số tiền là 7.000.000.000đ (bảy tỷ đồng), là tài sản bà có trước khi kết hôn với ông M mà ông M đã đem bán. Tại phiên hòa giải lần thứ 2, bà M không yêu cầu giải quyết về tài sản. Nếu sau này có phát sinh tranh chấp thì bà sẽ khởi kiện bằng một vụ án khác.

Tại phiên tòa, ông M và bà M không hòa giải đoàn tụ được. Ông M trình bày không thể tiếp tục quan hệ hôn nhân với bà M, mặc dù cả hai đã ly thân nhưng bà thường xuyên đến để tranh cãi, làm hàng xóm cũng không được yên ổn, trường hợp Tòa án không cho ông ly hôn, ông chỉ có thể bỏ đi nơi khác sinh sống. Bà M trình bày thừa nhận do bức xúc với ông M vì ông nói xấu bà với những người khác nên hay cãi nhau nhưng nay đã lớn tuổi, còn phải lập gia đình cho con nên không đồng ý ly hôn.

Phát biểu của đại diện Viện Kiểm sát:

- Về việc tuân theo pháp luật tố tụng: Thẩm phán và Hội đồng xét xử đã chấp hành đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự, thiết lập hồ sơ và thu thập chứng cứ đúng trình tự, đưa vụ án ra xét xử đúng thời hạn. Như vậy, về tố tụng Thẩm phán và Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng và đầy đủ.

- Về việc giải quyết vụ án: Quan hệ hôn nhân giữa ông M và bà M được pháp luật công nhận theo Nghị quyết số 35/2020/NQ-QH10 ngày 09-6-2000 của Quốc hội, là hôn nhân hợp pháp. Quá trình chung sống, ông bà phát sinh nhiều mâu thuẫn, thường xuyên cãi nhau. Ông M xác định tình cảm với bà M không còn, không thể sống chung. Tòa án đã tiến hành hòa giải nhưng không đoàn tụ được. Như vậy, quan hệ hôn nhân giữa ông M và bà M đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Do đó, yêu cầu khởi kiện của ông M là có căn cứ, phù hợp với quy định của Luật Hôn nhân và gia đình, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận. Con chung đã thành niên và không có yêu cầu; nợ chung và tài sản chung không có yêu cầu nên không xem xét giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử xét thấy:

[1] *Về tố tụng*: Căn cứ đơn khởi kiện và trình bày của ông Vũ Sỹ M, yêu cầu Tòa án giải quyết được ly hôn với bà Nguyễn Thị M, đây là quan hệ "*Tranh chấp ly hôn"* quy định tại khoản 1 Điều 28 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Bà Nguyễn Thị M, là bị đơn cư trú tại Thôn E, xã H, huyện Đ, tỉnh Đăk Nông. Vì vậy, tranh chấp thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Đắk R'Lấp theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] *Về nội dung*:

Về quan hệ hôn nhân: Ông Vũ Sỹ M và bà Nguyễn Thị M chung sống với nhau như vợ chồng từ tháng 8 năm 1984 tại xã Hồng Quang, huyện Ân Thi, tỉnh Hưng Yên, có tổ chức đám cưới, việc chung sống với nhau trên cơ sở tự nguyện. Căn cứ điểm a khoản 3 Nghị quyết số 35/2000/QH10 ngày 09 tháng 6 năm 200 của Quốc hội quy định về việc thi hành Luật Hôn nhân và gia đình năm 2000 như sau: "*a) Trong trường hợp quan hệ vợ chồng được xác lập trước ngày 03 tháng 01 năm 1987, ngày Luật hôn nhân và gia đình năm 1986 có hiệu lực mà chưa đăng ký kết hôn thì được khuyến khích đăng ký kết hôn; trong trường hợp có yêu cầu ly hôn thì được Toà án thụ lý giải quyết theo quy định về ly hôn của Luật hôn nhân và gia đình năm 2000*". Như vậy, ông My và bà Miến chung sống với nhau như vợ chồng trước ngày 03 tháng 01 năm 1987 nên được xem là hôn nhân thực tế.

Quá trình chung sống, đến năm 2019 cả hai phát sinh nhiều mâu thuẫn, ông M đã nhiều lần nộp đơn xin ly hôn tại Tòa án nhân dân huyện Đăk R'Lấp, lần gần nhất Tòa án nhân dân huyện Đăk R'Lấp thụ lý vụ án số 37/2022/QĐST-HNGĐ ngày 21-02-2022. Bà M đi làm ăn ở tỉnh khác, thỉnh thoảng mới quay lại địa phương, ông bà thừa nhận tranh cãi với nhau về nhiều vấn đề; cả hai không còn sống chung nhà và không đóng góp với nhau gì về kinh tế. Nhận thấy ông M, bà M đã không còn cùng nhau vun vén cuộc sống, kinh tế gia đình, hai người ở hai nhà khác nhau. Tại các phiên hòa giải do Tòa án tiến hành và tại phiên tòa, ông bà không đoàn tụ được, ông M vẫn đề nghị Tòa án giải quyết cho ly hôn với bà M do tình cảm không còn, mục đích hôn nhân không đạt được, bà M nhiều lần ghen tuông vô cớ. Bà M không đồng ý ly hôn vì mong muốn cả hai cùng lo cho các con khi dựng vợ gả chồng. Hội đồng xét xử xét thấy mâu thuẫn giữa ông M và bà M là trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài và vấn đề tổ chức lễ cưới cho các con của ông M, bà M là trách nhiệm của bậc làm cha mẹ, không phải là lý do ràng buộc quan hệ hôn nhân. Vì vậy, căn cứ Điều 91 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2000, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu xin ly hôn với bà M của ông M.

Về con chung: Ông M và bà M có 03 con chung là Vũ Sỹ P, sinh ngày 10-6-1985; Vũ Sỹ Ph, sinh ngày 01-02-1992 và Vũ Sỹ T, sinh ngày 04-02-1999. Các con chung đều đã thành niên và có khả năng lao động, ông M và bà M thống nhất không

yêu cầu Tòa án giải quyết về việc chăm sóc, nuôi dưỡng và cấp dưỡng nuôi con. Vì vậy, Hội đồng xét xử không đề cập giải quyết.

Về tài sản chung và nợ chung: Ông M và bà M thống nhất không yêu cầu Tòa án giải quyết, Hội đồng xét xử không đề cập giải quyết.

[3] *Về án phí*: Ông Vũ Sỹ M thuộc trường hợp được miễn nộp tiền án phí theo quy định tại Điều 12, 14 và 16 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH 14 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng Điều 91 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2000; Nghị quyết số 35/2000/QH10 ngày 09 tháng 6 năm 2000 của Quốc hội quy định về việc thi hành Luật Hôn nhân và gia đình năm 2000; Điều 146, 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH 14 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, Điều 2 Luật Người cao tuổi,

Tuyên xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện xin ly hôn của ông Vỹ Sỹ M đối với bà Nguyễn Thị M.

1. Về quan hệ hôn nhân: Ông Vũ Sỹ M được ly hôn với bà Nguyễn Thị M.

2. Về án phí: Ông Vũ Sỹ M được miễn nộp tiền án phí.

3. Về quyền kháng cáo: Đương sự có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Đắk Nông;
- VKSND huyện Đắk R'Lấp;
- Chi cục THADS huyện Đắk R'Lấp;
- UBND xã H;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ, VP.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨN PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Đã ký và đóng dấu

Lê Thị Thu Hà